

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2018

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết hàng hóa mua bán, trao đổi qua
cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân theo quy định tại Chương II Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới.
2. Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân.

Điều 3. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân

1. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân thực hiện cụ thể như sau:

a) Đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trong khu kinh tế cửa khẩu, hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng quy định về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

b) Đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu chỉ cho phép nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất trong nước theo Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với hàng hóa phục vụ sản xuất trong nước không thuộc Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, chỉ được phép nhập khẩu qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu trong thời gian cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo sau khi xin ý kiến Bộ Công Thương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thương nhân hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều tiết hàng hóa khi xảy ra hiện tượng ùn tắc tại các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, tránh để xảy ra tình trạng ùn tắc, buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh;

b) Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi sát tình hình thực hiện Thông tư này trên địa bàn; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) theo định kỳ trước ngày 10 hàng tháng hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Mẫu biểu thống kê gửi kèm báo cáo tình

hình hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trách nhiệm của thương nhân hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới

Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Sở Công Thương tỉnh biên giới khi hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Thông tư số 34/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và thương nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU QUA CỬA KHẨU PHỤ,
LỐI MỞ BIÊN GIỚI NÀM NGOÀI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Nguyên tắc áp dụng

1. Các trường hợp liệt kê mã HS 2 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc chương này.
2. Các trường hợp liệt kê mã HS 4 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc nhóm 4 số này.
3. Các trường hợp liệt kê mã HS 6 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc phân nhóm 6 số này.
4. Các trường hợp liệt kê đến mã HS 8 số thì chỉ áp dụng đối với mã HS 8 số đó.

II. Danh mục hàng hóa

Chương	Nhóm	Phân nhóm		Mô tả mặt hàng
Chương 07	0714	10		- Sắn
Chương 08				- Hạt điều:
	0801	31	00	- - Chưa bóc vỏ
	0801	32	00	- - Đã bóc vỏ
Chương 10	1005			Ngô
Chương 11				Toàn bộ chương 11
Chương 12	1201			Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh
Chương 25				Toàn bộ chương 25 trừ Nhóm 2501
Chương 26				Toàn bộ chương 26 trừ các Nhóm 2618, 2619, 2620, 2621
Chương 27	2701			Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá
	2704			Than cốc và than nửa cốc (luyện từ than đá), than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá

Chương 39				Toàn bộ chương 39 trừ các Nhóm 3915, 3916, 3917, 3918, 3919, 3920, 3921, 3922, 3923, 3924, 3925, 3926
Chương 40				Toàn bộ chương 40 trừ các Nhóm 4004, 4010, 4011, 4012, 4013, 4014, 4015, 4016, 4017
Chương 41				Toàn bộ chương 41 trừ các Nhóm 4101, 4102, 4103
Chương 44				Toàn bộ chương 44 trừ các Nhóm 4403, 4407, 4414, 4415, 4416, 4417, 4418, 4419, 4420
Chương 50				Toàn bộ chương 50
Chương 51				Toàn bộ chương 51 trừ Nhóm 5103
Chương 52				Toàn bộ chương 52 trừ Nhóm 5202
Chương 53				Toàn bộ chương 53
Chương 54				Toàn bộ chương 54
Chương 55				Toàn bộ chương 55
Chương 56				Toàn bộ chương 56
Chương 58				Toàn bộ chương 58 trừ các Nhóm 5805 và 5811
Chương 59				Toàn bộ chương 59
Chương 60				Toàn bộ chương 60
Chương 72	7201			Gang thỏi và, gang kính ở dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác
	7202			Hợp kim fero
Chương 73				Toàn bộ chương 73 trừ các nhóm 7321, 7322, 7323, 7324, 7325, 7326
Chương 74				Toàn bộ chương 74 trừ mã HS 7404.00.00 và Nhóm 7418
Chương 75				Toàn bộ chương 75 trừ Nhóm 7503
Chương 76				Toàn bộ chương 76 trừ mã HS 7602.00.00 và các Nhóm 7615, 7616
Chương 78				Toàn bộ chương 78 trừ các Nhóm 7802, 7806
Chương 79				Toàn bộ chương 79 trừ các Nhóm 7902, 7907
Chương 80				Toàn bộ chương 80 trừ mã HS 8002.00.00 và Nhóm 8007

PHỤ LỤC II

MẪU THỐNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA CỬA KHẨU PHỤ, LỐI MỞ BIÊN GIỚI

(Ban hành kèm Thông tư số 01/2018/TT-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

UBND TỈNH...

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH.../TÊN

THƯƠNG NHÂN (1)

THỐNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA CÁC CỬA KHẨU PHỤ, LỐI MỞ BIÊN GIỚI CỦA THƯƠNG NHÂN

Tháng/Năm....

STT	Tên cửa khẩu	Nhóm mặt hàng, mặt hàng	Mã HS hàng hóa (8 chữ số)	Đơn vị tính	Nhập khẩu		Lũy kế		So sánh với cùng kỳ (Tăng/Giảm)		So sánh lũy kế với cùng kỳ (Tăng/Giảm)		Tỷ trọng (%)
					Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	
1	Cửa khẩu..												
		Mặt hàng...											
2	Cửa khẩu..												
		Mặt hàng...											
3	Lối mở												
		Mặt hàng...											
...											

Sở Công Thương tỉnh.../Tên Thương nhân (2)

Ghi chú:

- (1) Sở Công Thương báo cáo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Tên thương nhân nếu thương nhân báo cáo Sở Công Thương;
- (2) Sở Công Thương báo cáo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Tên thương nhân nếu thương nhân báo cáo Sở Công Thương.